

Bài 7
TRUNG QUỐC THỜI MINH, THANH
(1 tiết)

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

Giúp HS hiểu được :

- Đến thời Minh, Thanh, tổ chức bộ máy chính quyền của Trung Quốc tiếp tục được củng cố, hoàn chỉnh hơn với việc lập ra các bộ.
- Kinh tế nông nghiệp phát triển có tính chất chu kỳ. Mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa đã xuất hiện ở Trung Quốc.
- Văn hoá tiếp tục phát triển, một hình thức mới trong văn học ra đời – đó là tiểu thuyết chương hồi.

2. Về tư tưởng, tình cảm

Giáo dục cho HS ý thức phân biệt chính nghĩa, phi nghĩa trong các cuộc chiến tranh xâm lược của các triều đại phong kiến Trung Hoa.

3. Về kỹ năng

Nâng cao các kỹ năng về phân tích, đánh giá, vẽ lược đồ, sơ đồ bộ máy chính quyền nước này hay nước khác.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LUU Ý

1. Về nội dung

- Nói rõ sự thay đổi trong bộ máy chính quyền qua việc bỏ chức Thừa tướng và Thái úy mà thay bằng các quan Thượng thư phụ trách các bộ.

- Phân tích chính sách của nhà Thanh đối với người Hán và người Mãn.
- Trình bày những biểu hiện của việc hình thành mầm mống quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa.
- Tiểu thuyết là hình thức văn học mới thời Minh, Thanh.

2. Về phương pháp

- Sử dụng phương pháp phân tích để thấy rõ sự thay đổi trong tổ chức bộ máy nhà nước thời Minh, Thanh.
- Giải thích để HS hiểu vì sao thời kì này ở Trung Quốc đã xuất hiện mầm mống quan hệ sản xuất TBCN, song kinh tế TBCN vẫn không phát triển được.

III – THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY – HỌC

- Bản đồ Trung Quốc.
- Sưu tầm thêm tranh ảnh về văn hoá, khoa học – kĩ thuật, đồ sứ của Trung Quốc.

IV – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY – HỌC

1. Giới thiệu bài học

GV sử dụng niên biểu các triều đại (đã chuẩn bị ở Bài 5), giới thiệu sơ lược sự phát triển của lịch sử Trung Quốc và dừng lại ở thời Minh, Thanh. Sau đó tiếp tục giảng dạy các mục 1, 2, 3.

2. Tổ chức các hoạt động dạy và học

Mục 1. Tình hình chính trị

– Trình bày tóm lược sự hình thành nhà Nguyên, rồi nhà Minh và đến nhà Thanh (GV có thể trình bày luôn mà không theo thứ tự như SGK). Nên sử dụng bảng niên biểu các triều đại để trình bày cho rõ ràng.

– Về tổ chức bộ máy chính quyền : GV nêu khái quát từ thời Tân, Hán qua Đường, Tống rồi đến Minh, Thanh để thấy sự phát triển, hoàn thiện của bộ máy chính quyền phong kiến Trung Quốc.

Ví dụ :

- + Thời Tân, Hán : Hoàng đế → Thái uý + Thừa tướng → Các chức quan khác → Quận → Huyện.
- + Thời Đường, Tống : thêm chức Tiết độ sứ.

- + Thời Minh, Thanh : bỏ chức Thái úy và Thừa tướng → thay vào các bộ.
GV có thể lập bảng so sánh để giúp HS thấy được sự thay đổi qua các triều đại.
- Về nhà Thanh, có thể nói thêm về sự phân biệt đối xử giữa người Hán và người Mân. Quyền hành chủ yếu tập trung vào tay người Mân.
- Về chính sách xâm lược : có thể khái quát đây là âm mưu thường xuyên, liên tục của các vua phong kiến Trung Quốc. Nhưng khi xâm lược Đại Việt của ta, chúng đều bị thất bại.

Mục 2. Sự phát triển kinh tế

- Chủ yếu nói sự phát triển kinh tế dẫn đến hình thành mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa.

Có thể nói xa hơn một chút trước thời Minh, Thanh như sau :

Từ thời Hán, nội thương và ngoại thương được mở rộng. Người Trung Quốc buôn bán với các nước ở Trung Á, Nam Á, Đông Nam Á. Đặc biệt, trên cơ sở quan hệ giao thương đó, đến thời Đường, "con đường tơ lụa" định hình là con đường giao lưu hàng hoá và văn hoá thường xuyên bằng đường biển và đường bộ – nối Trung Quốc với thế giới. Địa Trung Hải được nhộn nhịp thêm qua vai trò trung gian của người A-rập. Đến thời Minh, ở Trung Quốc bắt đầu xuất hiện những mầm mống của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa với các biểu hiện :

– Sự ra đời của các công trường thủ công trong các ngành luyện sắt, đồ sứ, làm giấy... với quy mô lớn, có lao động làm thuê, quan hệ chủ – thợ là quan hệ "chủ xuất vốn, chỉ huy sản xuất kinh doanh – thợ làm công, ăn lương".

– Trong nông nghiệp xuất hiện hình thức bao mua : đầu mùa canh tác, chủ xuất vốn ban đầu cho nông dân sản xuất, đến khi thu hoạch, chủ thu sản phẩm.

Sự xuất hiện những mầm mống tư bản chủ nghĩa vào giữa thời Minh, so với phương Tây là diễn ra đồng thời. Nhưng nền sản xuất mới tư bản chủ nghĩa này sinh và phát triển chậm chạp, không chiếm được địa vị chủ yếu. Trước sau, nền kinh tế tiểu nông vẫn chiếm ưu thế. Nguyên nhân cơ bản của nó là quan hệ phong kiến vẫn được duy trì chặt chẽ trong những vùng nông thôn bao la và chế độ cai trị độc đoán của một chính quyền phong kiến chuyên chế.

Mục 3. Văn hoá thời Minh, Thanh

Nêu hai ý cơ bản :

- Về tiểu thuyết

Đến thời Minh, Thanh, tiểu thuyết – một hình thức văn học mới, bắt đầu phát triển. Trước đó, ở các thành phố lớn thường có những người chuyên làm nghề kể chuyện, đê tài của họ thường là những sự tích lịch sử. Dựa vào những câu chuyện ấy, các nhà văn đã viết thành loại "tiểu thuyết chương hồi". Những tác phẩm lớn và nổi tiếng trong giai đoạn này là truyện *Thuyý hử* của Thi Nại Am, *Tam quốc diễn nghĩa* của La Quán Trung, *Tây du kí* của Ngô Thừa Ân, *Nho lâm ngoại sử* của Ngô Kính Tú, *Hồng lâu mộng* của Tào Tuyết Cần, v.v...

Truyện *Thuyý hử* kể lại cuộc khởi nghĩa nông dân ở Lương Sơn Bạc do Tống Giang lãnh đạo. Qua tác phẩm này, tác giả không những đã thuật lại rõ ràng quá trình diễn biến của cuộc khởi nghĩa mà còn hết sức ca ngợi tài trí và sự dũng cảm của các vị anh hùng nông dân. Vì vậy, vào thời Minh, Thanh, tác phẩm này bị liệt vào loại sách cấm, nhưng câu chuyện của các anh hùng Lương Sơn Bạc thì vẫn được lưu truyền trong nhân dân và đã có tác dụng cổ vũ rất lớn cho cuộc đấu tranh của nông dân chống sự áp bức, bóc lột của giai cấp phong kiến.

Tam quốc diễn nghĩa bắt nguồn từ câu chuyện ba người Lưu Bị, Quan Vũ và Trương Phi kết nghĩa ở vườn đào được lưu truyền trong dân gian ; nội dung miêu tả cuộc đấu tranh về quân sự, chính trị phức tạp giữa ba nước Ngụy, Thục, Ngô.

Tây du kí viết về truyện Huyền Trang và các đồ đệ tìm đường sang Ấn Độ lấy kinh Phật ; trải qua rất nhiều gian nan nguy hiểm ở dọc đường, cuối cùng đã đạt được mục đích. Tác giả đã xây dựng cho mỗi nhân vật của tác phẩm một tính cách riêng, trong đó nổi bật nhất là Tôn Ngộ Không, một nhân vật hết sức thông minh, mưu trí, dũng cảm và nhiệt tình. Đồng thời qua Tôn Ngộ Không, tính chất chống phong kiến của tác phẩm được thể hiện rõ rệt.

Hồng lâu mộng là tác phẩm có giá trị nhất trong kho tàng văn học hiện thực cổ điển Trung Quốc. Đề tài của tác phẩm chỉ là câu chuyện thịnh suy của một gia đình quý tộc phong kiến và tình yêu giữa một đôi thiếu niên, nhưng qua đó, tác giả đã vẽ lên bộ mặt của xã hội phong kiến Trung Quốc trong giai đoạn suy tàn. Bằng cách xây dựng cho Giả Bảo Ngọc và Lâm Đại Ngọc – hai nhân vật chính trong truyện, tính cách chống đối chế độ thi cử, chế độ quan trường, đạo đức và lễ giáo phong kiến, khát vọng tự do và hạnh phúc, đồng thời dành cho những người thuộc tầng lớp bị coi là thấp kém những tâm hồn cao đẹp và tình cảm chân thành, tác giả đã đả kích trực tiếp và khá mạnh vào ý thức hệ của giai cấp phong kiến thời bấy giờ.

- Về nghệ thuật

GV cần nhắc đến nền nghệ thuật lâu đời, trình độ cao, có phong cách độc đáo của Trung Quốc. Trung Quốc có nhiều công trình kiến trúc độc đáo : Vạn lí trường thành, cung A Phòng, Cố cung, các cung điện cổ kính...

Khi dạy bài này, GV cần chú ý sử dụng bản đồ. Đương nhiên, GV cần tuỳ theo từng nội dung cụ thể mà lựa chọn phương pháp thích hợp. Chú ý phát huy những hiểu biết vốn có của HS về lịch sử Trung Quốc vào việc linh hội nội dung.

3. Sơ kết bài

GV khái quát lại mấy điểm về tổ chức bộ máy nhà nước, về sự phát triển kinh tế, văn hoá thời Minh, Thanh.

- Bài tập cho HS : tìm hiểu thêm những thành tựu về văn hoá Trung Quốc ; đọc trước *Bài 8 – "Các quốc gia Ấn và văn hoá truyền thống Ấn Độ"*.

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

ĐỒ SỨ

Đồ gốm thông thường làm bằng đất sét nung trong lò có nhiệt độ khoảng từ 500°C đến 1500°C và được gọi là đất nung. Đồ sứ là một thứ khác hẳn. Nó có phôi được làm bằng đất sét kết dính, ngoài phủ một lớp men rồi đem nung ở nhiệt độ cao – trên dưới 1280°C . Bí quyết làm đồ sứ chính là việc dùng đất sét tinh khiết, tức cao lanh, hay đất Trung Quốc. Đất này khi nung ở nhiệt độ đủ cao sẽ biến đổi thành phần vật lí. Trong quá trình được gọi là "thuỷ tinh hoá", đất đó trở nên trong mờ và hoàn toàn không thấm nước. Nguyên nhân vì sao Trung Quốc lại có thể "sáng chế" ra đồ sứ trước các nơi khác trên thế giới rất lâu, đó là vì người Trung Quốc vừa tìm được loại đất cần thiết, lại vừa tạo ra được nhiệt độ cao cần phải có để nấu chảy cao lanh.

Các phát hiện khảo cổ học đẩy lùi niên đại đồ sứ thực sự vào thế kỉ đầu Công nguyên. Dù sao thì không ai có thể chối cãi là đồ sứ thực sự đã được sử dụng ở thế kỉ III.

Đến thời Tống (960 – 1279), đồ sứ đạt tới trình độ kĩ thuật và chất lượng nghệ thuật cao. Sản xuất đồ sứ thời đó được tổ chức rất hoàn hảo, sử dụng đến hàng trăm nghìn người có tay nghề giỏi. Đó là những đội chuyên về đất, những đội chuyên về men và những đội chuyên về việc duy trì nhiệt trong lò nung,... Một lò

nung ở thời đó được đào đắp sao cho mỗi mẻ có thể nung được tới 25 000 đồ sứ. Lò được xây trên sườn đồi cao, có độ dốc thoai thoải khoảng 15° để giảm bớt tốc độ của ngọn lửa thổi qua lò. Việc kiểm soát quá trình nung đạt tới độ chính xác rất cao. Ở thời Minh (1368 – 1644), độ bóng đẹp nhất của màu xanh cô-ban chỉ đạt được ở những nhiệt độ nhất định với ngọn lửa hoàn nguyên.

Bí quyết sản xuất đồ sứ được giữ hết sức kín. Khách thăm người châu Âu, như Mác-cô Pô-lô, chỉ biết tròn mắt kinh ngạc và nắc nởm khen thầm. Đồ sứ vẫn còn là một thứ rất quý hiếm đối với châu Âu ở thế kỉ XV. Đó là những lẽ vật hiến dâng các vua chúa. Mãi đến năm 1520, mẫu cao lanh đầu tiên mới tới châu Âu, do người Bồ Đào Nha đem về. Người châu Âu lúc đó nghĩ rằng chỉ cần kiếm cho ra thứ đất trắng này là đã có thể làm ngay được đồ sứ.

Những cuộc thử nghiệm nhiều vô kể với các loại đất và các chất rắn khác nhau, rồi đem nung ; cuối cùng đã đưa lại một kết quả hết sức bất ngờ. Các nhà khoa học và thợ thủ công bắt đầu nhận thấy là khi nguội đi, các khoáng vật nóng chảy có thể thuỷ tinh hoá. Trước khi quan sát được hiện tượng ấy, các nhà khoa học phương Tây tin rằng tinh thể chỉ có thể hình thành từ các chất lỏng. Đến khoảng giữa thế kỉ XVIII, ý kiến cho rằng đá trên Trái Đất có thể đã được hình thành do các khối nham thạch nóng chảy nguội đi, bắt đầu được thừa nhận rộng rãi ở châu Âu. Năm 1875, nhà địa chất Gia-me Hôt-ton đưa ra một thuyết hoàn toàn mới về Trái Đất dựa trên ý kiến đó. Vậy là một tiến bộ khoa học lớn ở phương Tây có thể được coi là hệ quả trực tiếp của những cố gắng tìm tòi bí quyết chế tạo đồ sứ.

(Theo Tạp chí *Thông tin UNESCO*, tháng 10 – 1998)

TIỀN GIẤY

Người Trung Quốc sáng chế ra tiền giấy vào cuối thế kỉ XVIII hoặc đầu thế kỉ XIX. Ban đầu người ta gọi là phi tiền (tiền bay) vì nó nhẹ đến nỗi gió có thể thổi bay khỏi tay. Tờ bạc đầu tiên, nói cho đúng hơn là một "hối phiếu" trả ngay chứ không phải thực sự là tiền. Thương nhân có thể kí thác tiền của mình tại kinh đô rồi nhận một chứng chỉ viết trên giấy đem đi đổi lấy tiền ở các tỉnh. Triều đình đã nhanh chóng nắm lấy công việc kinh doanh tiền tệ vốn do tư nhân đảm nhiệm này ngay từ năm 1812. Khi ấy, tiền thuế và các khoản thu khác đã được chuyển từ các địa phương về kinh đô theo phương thức này. Các "hối phiếu" vẫn được sử dụng nhưng nay do các quan chức của triều đình phát hành tại kinh đô và có thể mang về các địa phương đổi lấy hàng hoá như muối và chè ...

Tiền giấy thực sự dùng làm phương tiện trao đổi, được bảo đảm bằng một khoản tiền kí thác hình như ra đời vào đầu thế kỉ X tại tỉnh Tứ Xuyên ở miền Nam, kết quả của một sáng kiến tư nhân. Đến đầu thế kỉ XI, triều đình đã cho phép 16 cơ sở kinh doanh tư nhân (tức "ngân hàng") phát hành hối phiếu. Nhưng đến năm 1023, triều đình đã giành lấy hoạt động tư doanh này và thành lập một công sở phát hành tiền giấy với nhiều loại giá trị khác nhau và được bảo đảm bằng những khoản tiền kí thác. Tiền giấy do ngân hàng đó phát hành có in dòng chữ ghi rõ nó chỉ có giá trị trong 3 năm, kèm theo ngày phát hành và ngày thu hồi. Năm 1107, tiền giấy được in bằng nhiều bản khắc gỗ với ít nhất là 6 mẫu.

Tiền giấy do triều đình phát hành đã chiếm một tỉ lệ rất lớn trong quỹ tiền tệ. Năm 1126, có 70 triệu "điéu" (một "điéu" bằng 1000 đồng tiền) đã được chính thức phát hành, phần lớn không có khoản tiền kí thác nào bảo đảm, do đó đã sinh ra nạn lạm phát khá trầm trọng.

Một vấn đề khác nhanh chóng sinh là vấn đề tiền giả. Vì ai cũng có thể dùng giấy để in tiền nên nhà cầm quyền phải tìm cách làm cho quá trình sản xuất tiền giấy thật phức tạp, sao cho kẻ khác khó làm được đúng y hệt. Một số biện pháp kĩ thuật tinh vi bí mật đã nhanh chóng được áp dụng trong việc làm tiền giấy như dùng nhiều mẫu, dùng những hình vẽ cực kì phức tạp và trộn sợi vào trong giấy. Vật liệu cơ bản làm giấy in tiền là vỏ cây dâu và đôi khi trộn cả tơ vào nữa. Có thể đem những tờ bạc bị dây bẩn hoặc nhầu nát đổi lấy tờ mới nhưng phải trả thêm một số tiền nhỏ về chi phí in tờ bạc.

Khi người Mông Cổ thống trị Trung Quốc, họ phát hành một loại tiền giấy gọi là ti tệ (tiền lụa). Vật kí thác để bảo đảm giá trị loại tiền này không phải là kim loại quý mà là những kiện lụa. Năm 1294, tiền lụa Trung Quốc được tiêu dùng ở tận những nơi xa xôi như Ba Tư. Năm 1965, các nhà khảo cổ đã tìm được tại đó hai tờ "tiền lụa".

Về sau, dưới triều Minh, vai trò của tiền giấy bị hạ thấp. Nhà Minh phát hành một loại giấy bạc mới gọi là "Đại minh thông bảo". Trong một thời gian dài tới 200 năm, loại giấy bạc này chỉ được phát hành ở một mệnh giá và được coi là tiền lưu hành hợp pháp. Điều đó tất nhiên gây nhiều khó khăn cho các hoạt động thương mại, mặc dù vẫn có tiền đồng lưu hành và dùng làm loại tiền nhỏ dùng trong sinh hoạt hàng ngày. Thế rồi, do lạm phát, loại tiền giấy "thông bảo" này mất dần giá trị, sau được thay thế bằng loại tiền đúc bằng bạc.

(Theo Tạp chí *Thông tin UNESCO*, tháng 10 – 1998)